

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2017

V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Xuân Thanh.

2. Ông Nguyễn Thái Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại **trụ sở tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh** xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017, về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thành D, sinh năm: 1973.

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị L, sinh năm: 1971.

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tự quen biết tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1995, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh và chị L chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mỗi người một quan điểm sống khác nhau nên anh và chị L thường xuyên gây gổ nhau. Vợ chồng anh ly thân từ ngày 17-01-2017 đến nay cũng không có biện pháp khắc phục hàn gắn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh yêu cầu không công nhận anh và chị L là vợ chồng.

- Về con chung: Anh và chị L có hai con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1996 và Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2005. Đối với cháu N đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên anh không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu H nay ly hôn anh đồng ý giao cho chị L nuôi. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Anh D trình bày cơ sở hôn nhân giữa chị và anh D như trên là đúng. Chị và anh D chung sống với nhau vào năm 1995, hôn nhân tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện gây gổ với chị. Đến năm 2016, chị biết được anh D đang sống chung với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, gây gổ với nhau và anh D bỏ về nhà mẹ ruột anh D sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh D là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh D có hai con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1996 và Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2005. Đối với cháu N đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu H nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L là đúng theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014). Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Thành D, không công nhận anh D và chị L là vợ chồng. Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19 tháng

12 năm 1996 đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên anh chị không yêu cầu giải quyết, giao cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2005 cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh D không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Anh D phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thành D và chị Phạm Thị L chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của hai anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình (năm 2014) thì không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Thành D và chị Phạm Thị L có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19 tháng 12 năm 1996 và Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2005. Hiện tại hai cháu đang sống chung với chị L. Anh D và chị L thống nhất đối với cháu N đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên anh chị không yêu cầu giải quyết, đối với cháu H anh chị thống nhất giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Mặt khác, cháu H đã trên 7 tuổi, qua làm việc cháu có nguyện vọng được sống với chị L nên anh D và chị L thống nhất thỏa thuận giao cháu H cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Do vậy, căn cứ vào Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu H cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thành D và chị Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh Nguyễn Thành D và chị Phạm Thị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Thành D phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Thành D và chị Phạm Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 22 tháng 9 năm 2005 cho chị Phạm Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

Anh Nguyễn Thành D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thành D và chị Phạm Thị L thống nhất không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Thành D và chị Phạm Thị L trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Thành D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0020877 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh D đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Chị Phạm Thị L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh D có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Chị L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Vân

